

Số: 1254/TTr-BVĐK

Bình Phước, ngày 20 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:
Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016.

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT, ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành qui định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi một số Điều của Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Văn bản số 03/VBHN-BYT ngày 11/4/2023 của Bộ Y tế về việc hợp nhất Nghị định về Quản lý trang thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành (hợp nhất Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Công văn số 836/SYT-NV ngày 10/3/2022 của Sở Y tế về việc tích cực, chủ động trong việc tự tổ chức mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất được phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Căn cứ Thông báo số 2830/TB-SYT ngày 20/7/2023 của Sở Y tế về việc Thông báo kết luận của Phó giám đốc Sở Y tế tại cuộc họp xem xét giải quyết các khó khăn vướng mắc trong mua sắm hoá chất xét nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng khoa học về việc Mua hoá chất xét nghiệm phục vụ cấp cứu và điều trị ngày 01/8/2023 (Biên bản họp số 313/BB-HĐKH).

Căn cứ Thông báo chào giá số 791/BVĐK-KD ngày 04/7/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh đăng trên cổng thông tin điện tử (website Bệnh viện binhvientinh.binhphuoc.gov.vn.) và Công văn rõ báo giá số 859/BVĐK-KD ngày 20/7/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ Biên bản nhận báo giá gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm phục vụ cấp cứu và điều trị của Bệnh viện đa khoa tỉnh ngày 21/7/2023.

Căn cứ Biên bản họp 949/BB-BVĐK ngày 10/8/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc thống nhất giá thống nhất danh mục, số lượng và giá gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Căn cứ Công văn số 951/BVĐK-KD ngày 10/8/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc xin chủ trương mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch.

Căn cứ Công văn số 3253/SYT-NV ngày 11/8/2023 của Sở Y tế thuận chủ trương Mua hoá chất để thực hiện nhu cầu điều trị.

Căn cứ Công văn 09/CV-TTĐ ngày 13/10/2023 của Tổ Thẩm định –Sở Y tế Bình Phước về việc Ý kiến của Tổ thẩm định về nội dung Tờ trình số 996/TTr-BVĐK, Tờ trình số 1064/TTr-BVĐK, Tờ trình số 1184/TTr-BVĐK của Bệnh viện đa khoa tỉnh,

Căn cứ Biên bản họp 1253/BB-BVĐK ngày 20/10/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc thống nhất giá thống nhất danh mục, số lượng và giá gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-BVĐK ngày 20/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Danh mục và giá dự toán dự kiến gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Căn cứ Quyết định số 825/QĐ-BVĐK ngày 20/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thành lập Bên mời thầu, Tổ Thẩm định mua sắm hoá chất xét nghiệm gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Căn cứ Báo cáo số 522/BC-BMT ngày 20/10/2023 của Bên mời thầu về việc báo cáo trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh trình Sở Y tế xem xét, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh, cụ thể như sau:

A. Dự toán:

Tổng dự toán: **977.469.362 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Trong đó:

Chi phí mua sắm hàng hóa:

977.469.362 đồng

B. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

I. Mô tả tóm tắt gói thầu:

a) Tên gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

(có Phụ lục I đính kèm)

b) Tổng mức đầu tư: **977.469.362 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Trong đó:

Chi phí mua sắm hàng hóa:

977.469.362 đồng

c) Tên Chủ đầu tư, bên mời thầu: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

d) Nguồn vốn gói thầu: Nguồn thu từ phí, lệ phí; nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác (quy định điểm g khoản 1, Điều 1, Luật Đấu thầu; Khoản 2; Điều 01 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022).

e) Thời gian thực hiện gói thầu: Quý III, Quý IV năm 2023.

f) Địa điểm: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước, Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

II. Phần công việc đã thực hiện: Không

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: Không

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

ST T	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh	977.469.362 đồng	Nguồn thu từ phí, lệ phí; nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác	Chi định thầu		Quý IV năm 2023	Trọn gói	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng:		977.469.362 đồng						

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a. Cơ sở phân chia gói thầu: không phân chia gói thầu: mỗi loại hoá chất xét nghiệm là một phần riêng biệt tạo nên gói thầu.

b. Giá gói thầu: (có Phụ lục II đính kèm):

- Gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

- Do mỗi loại hoá chất xét nghiệm là một phần riêng biệt của gói thầu nên giá gói thầu là tổng giá trị của các phần đó.

- Cơ sở xây dựng giá gói thầu căn cứ: Điểm b khoản 3 Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính Phủ; Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế.

+ Căn cứ giá tại báo giá của các công ty theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế và giá tại các Quyết định đã trúng thầu đang thực hiện có thời gian gần nhất (dưới 120 ngày).

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị Minh Tâm.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Chương Nhân.

3. Quyết định trúng số 549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1: Hóa chất kèm theo máy thuộc dự án mua sắm trang thiết bị y tế, hóa chất, vật tư y tế đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng.

4. Hợp đồng số 750/HĐ/BVNTTW-MT ngày 23/8/2023 (căn cứ Quyết định trúng thầu số 714/QĐ-BVNTTW ngày 21/8/2023 của Bệnh viện Nội tiết Trung Ương về việc

phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hoá chất, vật tư tiêu hao chạy máy xét nghiệm năm 2023.

5. Quyết định trúng thầu số 504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 của Bệnh viện Quân y 110 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 07: Gói thầu mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2023 thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2023 của Bệnh viện Quân y 110.

6. Quyết định trúng thầu số 689/QĐ-BVAB ngày 02/08/2023 của Bệnh viện An Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: "Mua sắm các loại Hóa chất sử dụng năm 2023-2024 Dự toán: Mua sắm các loại hóa chất sử dụng năm 2023 - 2024 và các loại vật tư y tế - hóa chất bổ sung sử dụng năm 2023.

7. Quyết định trúng thầu số 1462/QĐ-BVĐKT ngày 12/09/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: Mua hóa chất y tế, sinh phẩm chuẩn đoán invitro phục vụ khám chữa bệnh sử dụng 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

8. Căn cứ quyết định số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang về việc Phê duyệt kết quả trúng thầu gói thầu: Hoá chất theo máy. (Có đính kèm 08 Quyết định trúng thầu).

+ Căn cứ kết quả đăng tải giá kê khai trên cổng thông tin điện tử <https://kekhaigiattbyt.moh.gov.vn>.

- Cách chọn giá theo nguyên tắc: giá thấp nhất

c. Nguồn vốn: Nguồn thu từ phí, lệ phí; nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác (quy định điểm g khoản 1, Điều 1, Luật Đấu thầu; Khoản 2; Điều 01 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022).

d. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chỉ định thầu (quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu; Điều 54 và Điều 55 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022).

Lý do áp dụng hình thức chỉ định thầu:

+ Kết quả đấu thầu tập trung tại Sở Y tế đã hết từ ngày 29/10/2021, từ năm 2022 đến nay khi xây dựng giá gói thầu BV đa khoa tỉnh gặp nhiều khó khăn (do thay đổi các hướng dẫn mua sắm như Nghị định, Thông tư,...) Bệnh viện đa khoa tỉnh đã thực hiện mua sắm một số gói thầu nhỏ, nhưng không đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân, dẫn đến những tháng gần đây bệnh nhân phải đi xét nghiệm ở nơi khác, ảnh hưởng đến quá trình khám, chữa bệnh của đơn vị. Đặt biệt trong các trường hợp cấp cứu rất khó khăn (có thể ảnh hưởng đến tính mạng bệnh nhân).

+ Thực hiện Thông báo số 2830/TB-SYT ngày 20/7/2023 của Sở Y tế về việc Thông báo kết luận của Phó giám đốc Sở Y tế tại cuộc họp xem xét giải quyết các khó khăn vướng mắc trong mua sắm hoá chất xét nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh. Bệnh viện đang tiến hành xây dựng các gói thầu hoá chất xét nghiệm với hình thức như chào hàng cạnh tranh (Tờ trình số 1184/TTr-BVĐK ngày 03/10/2023), đấu thầu rộng rãi (Tờ trình số 975/TTr-BVĐK ngày 15/8/2023) các Tờ trình này Bệnh viện đang thực hiện rà soát và trình lại Sở Y tế theo ý kiến chỉ đạo Công văn 09/CV-TTĐ ngày 13/10/2023 của Tổ Thẩm định –Sở Y tế) Khi thực hiện các gói thầu này cần thời gian dài (03-4 tháng). Để giải quyết tình hình hướng thiếu hoá chất (nêu trên) Bệnh viện trình Sở Y tế áp dụng hình thức chỉ định thầu để đáp ứng nhu cầu khám và điều trị.

đ. Phương thức lựa chọn nhà thầu:

e. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023 (quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13).

g. Loại hợp đồng:

Trọn gói (quy định tại Khoản 1, Điều 62, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13).

h. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (quy định tại Khoản 7, Điều 35 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13).

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Không.

VI. Tổng giá trị các phần công việc:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	Không
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	Không
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	977.469.362 đồng
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Không
Tổng giá trị các phần công việc		977.469.362 đồng

Bệnh viện Đa khoa tỉnh trình Sở Y tế xem xét, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh để Bệnh viện sớm triển khai thực hiện.

Trân trọng !

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 981/TTr-BVĐK ngày 17/8/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, BMT.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Bs. CKII. Vũ Xuân Thủy

PHỤ LỤC KÈM THEO TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 1254/TTr-BVĐK ngày 20 tháng 10 năm 2023)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Biên bản họp số 313/BB -HĐKH ngày 01/8/2023 của Hội đồng khoa học Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bản chụp
2	Biên bản họp số 949/BB-BVĐK ngày 10/8/2023 của hội đồng - Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc thống nhất danh mục, số lượng và giá gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.	Bản chụp
3	Công văn số 3253/SYT-NV ngày 11/8/2023 của Sở Y tế thuận chủ trương Mua hoá chất để thực hiện nhu cầu điều trị.	
4	Biên bản họp 1253/BB-BVĐK ngày 20/10/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc thống nhất giá thống nhất danh mục, số lượng và giá gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.	Bản chụp
5	Quyết định số 824/QĐ-BVĐK ngày 20/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Danh mục và giá dự toán dự kiến gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh.	Bản chụp
6	Báo cáo số <u>522</u> /BC-BMT ngày <u>20</u> /10/2023 của Bên mời thầu của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh	Bản chụp
7	Bảng báo giá của các công ty: - Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị Minh Tâm. - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Chương Nhân. - Quyết định trúng số 549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng - Hợp đồng số 750/HĐ/BVNTTW-MT ngày 23/8//2023. - Quyết định trúng thầu số 504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 của Bệnh viện Quân y 110. - Quyết định trúng thầu số 689/QĐ-BVAB ngày 02/08/2023 của Bệnh viện An Bình. - Quyết định trúng thầu số 1462/QĐ-BVĐKT ngày 12/09/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang - Căn cứ quyết định số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang.	Bản scan

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Tờ trình số: 1254/TTr-BVĐK ngày 20 tháng 10 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
I	HÓA CHẤT ,VẬT TƯ PHÙ HỢP MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG AU 680 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG						
1	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ amylase trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ amylase trong máu	Hộp/4x40ml	Hộp	1	10,785,600	10,785,600
2	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Triglyceride trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Triglyceride trong máu	Hộp 4x50ml+4x12.5ml	Hộp	2	6,370,350	12,740,700
3	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ ALBUMIN trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ ALBUMIN trong máu	Hộp 4x29ml	Hộp	1	1,900,500	1,900,500
4	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men ALT trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men ALT trong máu	Hộp 4x50ml+4x25ml	Hộp	2	3,587,850	7,175,700
5	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men AST	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men AST	Hộp 4x25ml+4x25ml	Hộp	2	3,576,300	7,152,600
6	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine trực tiếp trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine trực tiếp trong máu	Hộp 4x20ml+4x20ml	Hộp	1	7,677,600	7,677,600
7	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine toàn phần trong máu	Hộp 4x40ml+4x40ml	Hộp	1	6,694,800	6,694,800
8	Hóa chất dùng xét nghiệm Cholesterol toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm Cholesterol toàn phần trong máu	Hộp 4x45ml	Hộp	1	5,376,000	5,376,000
9	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men GGT trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men GGT trong máu.	Hộp 4x40ml+4x40ml	Hộp	1	5,089,350	5,089,350

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
10	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ đường huyết	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ đường huyết	Hộp 4x53ml+4x27ml	Hộp	3	5,097,750	15,293,250
11	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ HDL- CHOLESTEROL	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ HDL- CHOLESTEROL	Hộp 4x51.3ml+4x17.1ml	Hộp	1	19,430,250	19,430,250
12	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CREATININE	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CREATININE	Hộp 4x51ml+4x51ml	Hộp	3	2,310,000	6,930,000
13	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ UREA	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê.	Hộp 4x53ml+4x53ml	Hộp	2	6,885,900	13,771,800
14	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ canxi toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ canxi toàn phần trong máu	Hộp 4x29ml	Hộp	1	5,634,300	5,634,300
15	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LDL- CHOLESTEROL	Hộp 4x51.3ml+4x17.1ml	Hộp	2	34,227,900	68,455,800
16	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ URIC ACID	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ URIC ACID	Hộp 4x42.3ml+4x17.7ml	Hộp	1	7,709,100	7,709,100
17	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ PROTEIN toàn phần	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ PROTEIN toàn phần	Hộp 4x48ml+4x48ml	Hộp	1	3,650,850	3,650,850
18	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Lactate dehydrogenase (LDH)	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Lactate dehydrogenase	Hộp 4x40ml+4x20ml	Hộp	1	5,089,350	5,089,350
19	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ sắt huyết thanh	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ sắt huyết thanh	Hộp 4x15ml+4x15ml	Hộp	1	3,193,050	3,193,050

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
20	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ MAGNESIUM	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê.	Hộp 4x40ml	Hộp	1	2,195,550	2,195,550
21	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LACTATE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng L-Lactate	Hộp 4x10mL+4x10mL	Hộp	2	6,427,050	12,854,100
22	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ rượu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ rượu	Hộp 2x20mL+2x7mL	Hộp	2	2,647,050	5,294,100
23	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LIPASE	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LIPASE	Hộp 4x30mL+4x10mL+2x3mL	Hộp	1	20,060,250	20,060,250
24	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP siêu nhạy. Thành phần: Latex, phủ kháng thể kháng CRP	Hộp 4x30ml+4x30ml	Hộp	1	15,546,300	15,546,300
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 26 thông số sinh hóa	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Lọ 1x5mL	Lọ	10	556,500	5,565,000
26	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL- Cholesterol	Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol	Hộp 2x3ml	Hộp	6	2,737,350	16,424,100
27	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL- Cholesterol	Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol	Hộp 2 lọ x1ml	Hộp	3	6,699,000	20,097,000
28	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Hóa chất nội kiểm hoạt động xét nghiệm chung mức 1	Lọ 1x5ml	Lọ	20	603,750	12,075,000
29	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Lọ 1x5ml	Lọ	20	606,900	12,138,000
30	Hóa chất nội kiểm HDL/LDL Cholesterol	Hóa chất nội kiểm HDL/LDL Cholesterol	Hộp (3x5mL+3x5mL)	Lọ 1x5mL	12	752,850	9,034,200

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
31	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can 1x5l	Can- Bình	10	3,646,650	36,466,500
32	Hóa chất tẩy rửa kim hút mẫu xét nghiệm	Thành phần: Hypochlorite .	Bình 450 ml	Bình	1	622,944	622,944
33	Dung dịch đệm ISE	Dung dịch đệm được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-. Thành phần: Triethanolamine .	Hộp:4x2000ml	Hộp	1	5,778,360	5,778,360
34	Chất chuẩn điện giải mức giữa	Chất hiệu chuẩn mức trung bình được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-. Thành phần: Na+; K+; Cl-	Hộp 4 bình x2000ml	Hộp	1	7,479,360	7,479,360
II	HÓA CHẤT ,VẬT TƯ PHỤ HỢP MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG DXI 800, ACCESS 2 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG						
1	Cồng đo dùng trong xét nghiệm miễn dịch	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	1000 cái/túi	Túi	15	1,899,450	28,491,750
2	Nước rửa hệ thống đường ống thường ngày	Nước rửa hệ thống đường ống	10 L	Thùng	30	2,025,450	60,763,500
3	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang;	Hộp 4x130mL/Bình	Hộp	6	10,444,350	62,666,100
4	Hóa chất định lượng total B _h CG	Hóa chất định lượng B _h CG toàn phần	Hộp 2x50test	Test	400	44,352	17,740,800
5	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng B _h CG	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng B _h CG toàn phần	Hộp 6x4mL	Hộp	2	3,163,650	6,327,300
6	Hóa chất định lượng BNP	Hóa chất định lượng BNP	Hộp 2x50test	Hộp	2	28,147,350	56,294,700
7	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng BNP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP	Hộp 6x 1.5mL	Hộp	1	2,678,550	2,678,550
8	Hóa chất định lượng hormon TSH	Hóa chất định lượng TSH	Hộp 2x100test	Hộp	3	5,064,150	15,192,450
9	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng hormone TSH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH	Hộp 6x 2.5mL	Hộp	1	2,532,600	2,532,600

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
10	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hộp 2x50test	Hộp	6	2,532,600	15,195,600
11	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng T4 tự do	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do	Hộp 6x2.5mL	Hộp	1	3,163,650	3,163,650
12	Hóa chất định lượng T3 tự do	Hóa chất định lượng T3 tự do	Hộp 2x50test	Hộp	4	3,797,850	15,191,400
13	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng T3 tự do	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 tự do	Hộp 6x2.5mL	Hộp	1	4,429,950	4,429,950
14	Hóa chất định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Hóa chất phát hiện HBs Ag	Hộp 2x50test	Hộp	2	4,236,750	8,473,500
15	Hóa chất hiệu chuẩn định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Chất chuẩn của xét nghiệm phát hiện HBs Ag	Hộp 1x2.7mL+1x2.7mL	Hộp	1	5,569,200	5,569,200
16	Hóa chất nội kiểm định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Chất kiểm tra của xét nghiệm phát hiện HBs Ag	Hộp 3x4mL+3x4mL	Hộp	1	6,330,450	6,330,450
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy	Hóa chất định lượng cTnI	Hộp 2x50test	Hộp	3	6,825,000	20,475,000
18	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy	Hộp 3x1.5mL+4x1mL	Hộp	2	2,320,500	4,641,000
19	Thuốc thử xét nghiệm định HIV	Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp	Hộp 2x100 test	Hộp	4	14,259,000	57,036,000
20	Chất chuẩn HIV Combo	Chất chuẩn kiểm tra của xét nghiệm định tính HIV combo	Hộp 2x1.7ml	Hộp	2	3,986,829	7,973,658
21	Chất kiểm tra xét nghiệm HIV combo	Chất kiểm tra của xét nghiệm định tính HIV combo	Hộp 2x4.4mL+2x4.4mL+2x4.4mL	Hộp	1	4,541,040	4,541,040
22	Hóa chất xét nghiệm định tính HCV Ab V3	Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym gián tiếp	Hộp 2x50test	Hộp	1	10,218,600	10,218,600
23	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định tính HCV Ab V3	Chất chuẩn xét nghiệm định tính HCV Ab	Hộp 2x1mL	Hộp	1	4,149,600	4,149,600

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng PCT	Hóa chất định lượng procalcitonin	Hộp 2x50 tests	Hộp	2	17,411,100	34,822,200
25	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PCT	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin	Hộp 7x2mL	Hộp	1	9,684,150	9,684,150
26	Hóa chất định lượng Ferritin	Hóa chất định lượng Ferritin	Hộp 2x50test	Hộp	2	2,532,600	5,065,200
27	Hóa chất chuẩn định lượng Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	Hộp 6x4mL	Hộp	1	3,163,650	3,163,650
III HÓA CHẤT PHÙ HỢP MÁY ARRIKAY HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG							
1	Cột sắc ký	Cột sắc ký	Hộp/1 Cột/ test	Test	2,500	10,400	26,000,000
2	Dung dịch rửa đầy Hemoglobin A	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần	Hộp/600mlx4	hộp	3	11,760,000	35,280,000
3	Dung dịch rửa đầy Hemoglobin B	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ $\leq 3.0\%$, Phosphate nồng độ $\leq 2.0\%$	Hộp/600 mlx2	ml	1,200	5,833	6,999,600
4	Dung dịch rửa đầy các biến thể Hemoglobin	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ $\leq 0.3\%$, Phosphate nồng độ $\leq 2.0\%$,...	Hộp/600 ml x2	ml	3,600	5,833	20,998,800
5	Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống	Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống.	Hộp/2000 mlx3	ml	6,000	3,333	19,998,000
	Tổng cộng: 66 khoản						977,469,362

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Tờ trình số: 254/TTr-BVĐK ngày 20 tháng 10 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
I	HÓA CHẤT, VẬT TƯ PHỤ HỘ MÁY MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG AU 680 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG												
1	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ amylase trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ amylase trong máu	Hộp/4x40ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	10,785,600	10,785,600	11,325,880	10,785,600	6	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
2	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Triglyceride trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Triglyceride trong máu	Hộp 4x50ml+4x1 2.5ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	2	6,370,350	12,740,700	6,688,857	6,370,350	14	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
3	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ ALBUMIN trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ ALBUMIN trong máu	Hộp 4x29ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	1,900,500	1,900,500	1,995,525	1,900,500	22	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
4	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men ALT trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men ALT trong máu	Hộp 4x50ml+4x2 5ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	2	3,587,850	7,175,700	3,767,232	3,587,850	23	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
5	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men AST	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men AST	Hộp 4x25ml+4x2 5ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	2	3,576,300	7,152,600	3,755,115	3,576,300	24	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
6	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine trực tiếp trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine trực tiếp trong máu	Hộp 4x20ml+4x2 0ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	7,677,600	7,677,600	8,061,480	7,677,600	26	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
7	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Bilirubine toàn phần trong máu	Hộp 4x40ml+4x4 0ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	6,694,800	6,694,800	7,029,540	6,694,800	36	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
8	Hóa chất dùng xét nghiệm Cholesterol toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm Cholesterol toàn phần trong máu	Hộp 4x45ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	5,376,000	5,376,000	5,644,800	5,376,000	15	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
9	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men GGT trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men GGT trong máu.	Hộp 4x40ml+4x4 0ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	5,089,350	5,089,350	5,343,807	5,089,350	37	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
10	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ đường huyết	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ đường huyết	Hộp 4x53ml+4x27ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	3	5,097,750	15,293,250	5,352,627	5,097,750	28	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
11	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ HDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ HDL-CHOLESTEROL	Hộp 4x51.3ml+4x17.1ml	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	1	19,430,250	19,430,250	20,401,752	19,430,250	19	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
12	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CREATININE	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CREATININE	Hộp 4x51ml+4x51ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	3	2,310,000	6,930,000	2,425,500	2,310,000	25	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
13	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ UREA	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure.	Hộp 4x53ml+4x53ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	2	6,885,900	13,771,800	7,230,195	6,885,900	5	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
14	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ canxi toàn phần trong máu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ canxi toàn phần trong máu	Hộp 4x29ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	5,634,300	5,634,300	5,858,685	5,634,300	37	504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 BV QUẢN Y 110
15	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LDL-CHOLESTEROL	Hộp 4x51.3ml+4x17.1ml	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	2	34,227,900	68,455,800	35,585,382	34,227,900	54	504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 BV QUẢN Y 110
16	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ URIC ACID	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ URIC ACID	Hộp 4x42.3ml+4x17.7ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	7,709,100	7,709,100	8,094,555	7,709,100	3	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
17	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ PROTEIN toàn phần	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ PROTEIN toàn phần	Hộp 4x48ml+4x48ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	3,650,850	3,650,850	3,833,393	3,650,850	29	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
18	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Lactate dehydrogenase (LDH)	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Lactate dehydrogenase	Hộp 4x40ml+4x20ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	5,089,350	5,089,350	5,343,818	5,089,350	33	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
19	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ sắt huyết thanh	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ sắt huyết thanh	Hộp 4x15ml+4x15ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	3,193,050	3,193,050	3,352,703	3,193,050	31	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
20	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ MAGNESIUM	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê.	Hộp 4x40ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	2,195,550	2,195,550	2,305,328	2,195,550	34	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
21	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LACTATE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng L-Lactate	Hộp 4x10mL+4x1yoR1	Hộp	Beckman Coulter	Ý	2	6,427,050	12,854,100	6,748,403	6,427,050	32	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
22	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ rượu	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ rượu	Hộp 2x20mL+2x7mL	Hộp	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	2	2,647,050	5,294,100	2,779,403	2,647,050	1	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
23	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LIPASE	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ LIPASE	Hộp 4x30mL+4x1yo+4x10mL+2x3mL	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	1	20,060,250	20,060,250	20,450,262	20,060,250	246	689/QĐ-BVAB 02/08/2023 Bệnh viện An Bình
24	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP siêu nhạy. Thành phần: Latex, phủ kháng thể	Hộp 4x30ml+4x30ml	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	1	15,546,300	15,546,300	16,323,615	15,546,300	11	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 26 thông số sinh hóa	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Lọ 1x5mL	Lọ	Beckman Coulter	Mỹ	10	556,500	5,565,000	584,325	556,500	71	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
26	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol	Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol	Hộp 2x3ml	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	6	2,737,350	16,424,100	5,748,435	2,737,350	66	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
27	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL-Cholesterol	Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol	Hộp 2 lọ x1ml	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	3	6,699,000	20,097,000	Lọ (3.414.978)	6,699,000	290	689/QĐ-BVAB 02/08/2023 Bệnh viện An Bình
28	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Hóa chất nội kiểm hoạt động xét nghiệm chung mức 1	Lọ 1x5ml	Lọ	Beckman Coulter	Mỹ	20	603,750	12,075,000	633,927	603,750	48	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
29	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Lọ 1x5ml	Lọ	Beckman Coulter	Mỹ	20	606,900	12,138,000	637,245	606,900	20	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các QĐ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
30	Hóa chất nội kiểm HDL/LDL Cholesterol	Hóa chất nội kiểm HDL/LDL Cholesterol	Hộp (3x5mL+3x5 mL)	Lọ 1x5mL	Beckman Coulter	Na Uy	12	752,850	9,034,200	(Hộp 4,742,892)	752,850	43	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
31	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can 1x5l	Can- Bình	Beckman Coulter	Ai Len	10	3,646,650	36,466,500	3,828,972	3,646,650	55	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
32	Hóa chất tẩy rửa kim hút mẫu xét nghiệm	Thành phần: Hypochlorite	Bình 450 ml	Bình	Beckman Coulter	Ai Len	1	622,944	622,944	635,040	622,944	274	689/QĐ-BVAB 02/08/2023 Bệnh viện An Bình
33	Dung dịch đệm ISE	Dung dịch đệm được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ . Thành phần: Triethanolamine	Hộp: 4x2000 ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	5,778,360	5,778,360	6,007,512	5,778,360	29	504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 BV QUẬN Y 110
34	Chất chuẩn điện giải mức giữa	Chất hiệu chuẩn mức trung bình được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ . Thành phần: Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻	Hộp 4 bình x2000ml	Hộp	Beckman Coulter	Ai Len	1	7,479,360	7,479,360	7,775,922	7,479,360	28	504/QĐ-BV ngày 07/9/2023 BV QUẬN Y 110
II	HÓA CHẤT ,VẬT TƯ PHÙ HỢP MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG DXI 800, ACCESS 2 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG												
1	Cồng đo dùng trong xét nghiệm miễn dịch	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	1000 cái/túi	Túi	Beckman Coulter	Mỹ	15	1,899,450	28,491,750	1,994,412	1,899,450	89	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
2	Nước rửa hệ thống đường ống thường ngày	Nước rửa hệ thống đường ống	10 L	Thùng	Beckman Coulter	Trung Quốc	30	2,025,450	60,763,500	2,126,712	2,025,450	90	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
3	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang;	Hộp 4x130mL/Bì nh	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6	10,444,350	62,666,100	10,966,557	10,444,350	84	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các QĐ đang trùng nhau	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
4	Hóa chất định lượng total fHCG	Hóa chất định lượng fHCG toàn phần	Hộp 2x50test	Test	Beckman Coulter	Mỹ	400	44,352	17,740,800	4,651,437	44,352	35	1462/QĐ-BVĐKKT ngày 12/09/2023 BVĐK Bắc Giang
5	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng fHCG	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng fHCG toàn phần	Hộp 6x4mL	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2	3,163,650	6,327,300	3,321,822	3,163,650	36	1462/QĐ-BVĐKKT ngày 12/09/2023 BVĐK Bắc Giang
6	Hóa chất định lượng BNP	Hóa chất định lượng BNP	Hộp 2x50test	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2	28,147,350	56,294,700	29,554,707	28,147,350	25	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
7	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng BNP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP	Hộp 6x 1.5mL	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1	2,678,550	2,678,550	2,812,467	2,678,550	23	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
8	Hóa chất định lượng hormon TSH	Hóa chất định lượng TSH	Hộp 2x100test	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	3	5,064,150	15,192,450	5,317,347	5,064,150	79	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
9	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng hormone TSH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH	Hộp 6x 2.5mL	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1	2,532,600	2,532,600	2,659,230	2,532,600	78	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
10	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hộp 2x50test	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6	2,532,600	15,195,600	2,659,230	2,532,600	75	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
11	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng T4 tự do	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do	Hộp 6x2.5mL	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1	3,163,650	3,163,650	3,321,822	3,163,650	76	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
12	Hóa chất định lượng T3 tự do	Hóa chất định lượng T3 tự do	Hộp 2x50test	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	4	3,797,850	15,191,400	3,987,732	3,797,850	73	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
13	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng T3 tự do	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 tự do	Hộp 6x2.5mL	Hộp	Beckman Coulter	Pháp	1	4,429,950	4,429,950	4,651,437	4,429,950	74	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
14	Hóa chất định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Hóa chất phát hiện HBs Ag	Hộp 2x50test	Hộp	Bio-Rad	Pháp	2	4,236,750	8,473,500	4,448,577	4,236,750	48	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
15	Hóa chất hiệu chuẩn định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Chất chuẩn của xét nghiệm phát hiện HBs Ag	Hộp 1x2.7mL+1x 2.7mL	Hộp	Bio-Rad	Pháp	1	5,569,200	5,569,200	5,847,660	5,569,200	49	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
16	Hóa chất nội kiểm định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Chất kiểm tra của xét nghiệm phát hiện HBs Ag	Hộp 3x4mL+3x4 mL	Hộp	Bio-Rad	Pháp	1	6,330,450	6,330,450	6,646,962	6,330,450	50	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy	Hóa chất định lượng cTnI	Hộp 2x50test	Hộp	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	3	6,825,000	20,475,000	7,166,250	6,825,000	101	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
18	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy	Hộp 3x1.5mL+4x 1mL	Hộp	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	2	2,320,500	4,641,000	2,436,525	2,320,500	5	1462/QĐ-BVĐKT ngày 12/09/2023 BVĐK Bắc Giang
19	Thuốc thử xét nghiệm định HIV	Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp	Hộp 2x100 test	Hộp	Biorad/Pháp	Pháp	4	14,259,000	57,036,000	14,971,950 (Hộp 200 test)	14,259,000	127	714/QĐ-BVNTTW ngày 21/8/2023 BVNT Trung Ương
20	Chất chuẩn HIV Combo	Chất chuẩn kiểm tra của xét nghiệm định tính HIV combo	Hộp 2x1.7ml	Hộp	Biorad/Pháp	Pháp	2	3,986,829	7,973,658	4,186,182	3,986,829	166	714/QĐ-BVNTTW ngày 21/8/2023 BVNT Trung Ương
21	Chất kiểm tra xét nghiệm HIV combo	Chất kiểm tra của xét nghiệm định tính HIV combo	Hộp 2x4.4mL+2x 4.4mL+2x4.4 mL	Hộp	Biorad/Pháp	Pháp	1	4,541,040	4,541,040	4,768,302	4,541,040	178	714/QĐ-BVNTTW ngày 21/8/2023 BVNT Trung Ương
22	Hóa chất xét nghiệm định tính HCV Ab V3	Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym gián tiếp	Hộp 2x50test	Hộp	Bio-Rad	Pháp	1	10,218,600	10,218,600	10,729,530	10,218,600	51	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
23	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định tính HCV Ab V3	Chất chuẩn xét nghiệm định tính HCV Ab	Hộp 2x1mL	Hộp	Bio-Rad	Pháp	1	4,149,600	4,149,600	4,357,080	4,149,600	52	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng PCT	Hóa chất định lượng procalcitonin	Hộp 2x50 tests	Hộp	Beckman Coulter, Inc.,	Mỹ	2	17,411,100	34,822,200	18,281,655	17,411,100	108	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
25	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PCT	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin	Hộp 7x2mL	Hộp	Beckman Coulter, Inc.,	Mỹ	1	9,684,150	9,684,150	10,168,347	9,684,150	107	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
26	Hóa chất định lượng Ferritin	Hóa chất định lượng Ferritin	Hộp 2x50test	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2	2,532,600	5,065,200	2,659,230	2,532,600	28	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
27	Hóa chất chuẩn định lượng Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	Hộp 6x4mL	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1	3,163,650	3,163,650	3,321,822	3,163,650	29	549/QĐ-BVĐK ngày 11/09/2023 BVĐK Sóc Trăng
III HÓA CHẤT PHÙ HỢP MÁY ARRIKAY HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG													
1	Cột sắc ký	Cột sắc ký	Hộp/1 Cột/test	Test	Arrikay	Nhật Bản	2,500	10,400	26,000,000	31,360,000	10,400/test		QĐ số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của BV ĐK tỉnh Hậu Giang
2	Dung dịch rửa dây Hemogloblin A	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần	Hộp/600mlx 4	hộp	Arrikay	Nhật Bản	3	11,760,000	35,280,000	Hộp/ 11.760.000	7,083/1ml 1 hộp giá 16.999.200		QĐ số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của BV ĐK tỉnh Hậu Giang
3	Dung dịch rửa dây Hemogloblin B	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ ≤ 3.0%, Phosphate nồng độ ≤ 2.0%	Hộp/600 mlx2	ml	Arrikay	Nhật Bản	1,200	5,833	6,999,600	1 hộp giá 8.820.000	5,833/1ml		QĐ số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của BV ĐK tỉnh Hậu Giang
4	Dung dịch rửa dây các biến thể Hemogloblin	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ ≤ 0.3%, Phosphate nồng độ ≤ 2.0%,...	Hộp/600 ml x2	ml	Arrikay	Nhật Bản	3,600	5,833	20,998,800	1 hộp giá 7.258.000	5,833/1ml		QĐ số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của BV ĐK tỉnh Hậu Giang

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Báo giá công ty theo TT 14	Giá áp các Qđ đang trúng thầu	STT trong QĐ	Số QĐ ngày ra quyết định
5	Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống	Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống.	Hộp/2000 mlx3	ml	Arrikay	Nhật Bản	6,000	3,333	19,998,000	22,100,000	3.333/1ml		QĐ số 388/QĐ-BVĐK ngày 29/6/2023 của BV ĐK tỉnh Hậu Giang
Tổng cộng: 66 khoản										977,469,362			

2

